

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 21/02/2022  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quách Hà Vĩnh

2. Bà Lưu Thị Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H; Sinh năm: 1998

Địa chỉ: Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Xuân D; Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2021 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Xuân D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 06/6/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhưng thời gian gần đây thì mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân do anh D là người không có lập trường, không tin tưởng vợ mà nghe lời mẹ và thường xuyên chửi bới xúc phạm chị. Vì con, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh D không thay đổi được tính nết. Chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ từ cuối năm 2021 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể không thể chung sống với anh D được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi An N, sinh ngày 10/12/2018 và Bùi Hải Đ, sinh ngày 17/10/2020. Vì hai con còn quá nhỏ nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H xin thay đổi yêu cầu về việc nuôi con. Chị đề nghị được giao cháu N cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tại bản tự khai ngày 27/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Bùi Xuân D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 06/6/2017. Sau ngày cưới, tình cảm vợ chồng hòa thuận bình thường, đôi lúc có mâu thuẫn nhỏ giữa mẹ chồng và nàng dâu nhưng chị H không bỏ qua mà vẫn cố chấp nên tình cảm mẹ chồng nàng dâu không được hòa thuận. Từ đó làm cho cuộc sống gia đình không được hạnh phúc. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 12 năm 2021 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó. Tuy nhiên, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị Hiền mà mong muốn được đoàn tụ.

Tại phiên tòa, anh D thay đổi ý kiến về việc ly hôn: Nếu chị H kiên quyết xin ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi An N, sinh ngày 10/12/2018 và Bùi Hải Đ, sinh ngày 17/10/2020. Nếu chị H nhất quyết xin ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu N và giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Xuân D; Về con chung: Giao hai cháu Bùi An N, sinh ngày 10/12/2018 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Hải Đ, sinh ngày 17/10/2020, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã

thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Xuân D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 06/6/2017 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, thời gian gần đây thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thêm vào đó, mối quan hệ giữa mẹ chồng và nàng dâu không được hòa thuận nên không khí gia đình lại càng trở nên căng thẳng. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 12 năm 2021 và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị H và anh D đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Tuy anh D mong muốn được đoàn tụ nhưng chị H kiên quyết xin ly hôn anh D dù cho Tòa án đã cố gắng hòa giải. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị H và anh Bùi Xuân D được ly hôn.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung. Cả chị H và anh D đều yêu cầu giao cháu Bùi An N, sinh ngày 10/12/2018 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Hải Đ, sinh ngày 17/10/2020. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H và anh D.

[4]. Về tài sản: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Xuân D.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi An N, sinh ngày 10/12/2018 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Hải Đ, sinh ngày 17/10/2020. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007518 ngày 20/12/2021. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị H và anh Bùi Xuân D. Chị H và anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**